

CÔNG TY CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM

Số: 13/SAVINA/CV/2025

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----oOo-----

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Ủy ban Chứng khoán Nhà nước

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Sách Việt Nam thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) kiểm toán năm 2024 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Sách Việt Nam:

- Mã chứng khoán: VNB

- Địa chỉ: Số 44 phố Tràng Tiền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

- Điện thoại liên hệ: (024) 3.9348790

Fax: (024) 3.9341591

- Email:

- Website: <https://www.savina.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC kiểm toán năm 2024

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2024):

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☐ Có

☒ Không

Vấn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không



+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 27/03/2025 tại đường dẫn: <https://savina.com.vn/bao-cai-tai-chinh>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC kiểm toán năm 2024



TRẦN LÊ PHƯƠNG



Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024





Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2
Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
Bảng cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 35

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty"), tiền thân là một Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty chuyển đổi từ Tổng Công ty Sách Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 19 tháng 7 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cho thuê văn phòng, kinh doanh và phát hành sách.

Công ty có trụ sở chính tại số 44 phố Tràng Tiền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Lê Thăng Long	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên
Bà Trần Thanh Mai	Thành viên
Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên
Ông Trần Lê Phương	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Hồng Mai	Trưởng ban Kiểm soát
Bà Nguyễn Thị Thu Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Lan Anh	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Lê Phương	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Lê Phương, Tổng Giám đốc.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Trần Lê Phương
Tổng Giám đốc

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Số tham chiếu: 11856788/68390439



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các cổ đông của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty") được lập ngày 26 tháng 3 năm 2025 và được trình bày từ trang 5 đến trang 35, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Bùi Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1067-2023-004-1

Lê Thị Thu
Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 5606-2025-004-1

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		138.023.073.339	1.033.693.852.164
110	I. Tiền	4	2.798.764.488	1.878.162.904
111	1. Tiền		2.798.764.488	1.878.162.904
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	5	111.500.000.000	138.500.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn		111.500.000.000	138.500.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		14.395.416.348	882.655.690.055
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.674.702.150	1.704.543.760
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		6.856.255	-
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7.1	10.000.000.000	827.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	8	2.713.857.943	53.951.146.295
140	IV. Hàng tồn kho	9	9.328.892.503	10.659.999.205
141	1. Hàng tồn kho		11.315.385.007	12.367.398.948
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(1.986.492.504)	(1.707.399.743)
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		992.691.605.443	22.138.339.461
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		971.736.534.243	135.000.000
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	7.2	927.000.000.000	-
216	2. Phải thu dài hạn khác	8	44.736.534.243	135.000.000
220	II. Tài sản cố định		3.247.495.102	3.574.454.196
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	3.247.495.102	3.574.454.196
222	Nguyên giá		18.236.069.546	18.310.069.546
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(14.988.574.444)	(14.735.615.350)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	-	-
228	Nguyên giá		231.467.000	231.467.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(231.467.000)	(231.467.000)
230	III. Bất động sản đầu tư	12	6.953.591.677	7.637.551.513
231	1. Nguyên giá		33.453.922.441	33.453.922.441
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(26.500.330.764)	(25.816.370.928)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		6.000.000.000	6.000.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	6.000.000.000	6.000.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		4.322.500.000	4.322.500.000
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	14	4.322.500.000	4.322.500.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		431.484.421	468.833.752
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		431.484.421	468.833.752
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		1.130.714.678.782	1.055.832.191.625



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		28.399.229.318	28.621.196.732
310	I. Nợ ngắn hạn		27.799.229.318	28.302.196.732
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	15	5.795.977.970	7.759.151.181
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn		39.535.725	30.835.431
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	16	19.294.482.261	17.638.464.491
314	4. Phải trả người lao động		769.721.410	745.901.236
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn		289.333.334	271.000.000
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	17	1.104.028.618	1.069.855.764
319	7. Phải trả ngắn hạn khác		506.150.000	786.988.629
330	II. Nợ dài hạn		600.000.000	319.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác		600.000.000	319.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.102.315.449.464	1.027.210.994.893
410	I. Vốn chủ sở hữu	18	1.102.315.449.464	1.027.210.994.893
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		679.099.600.000	679.099.600.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		679.099.600.000	679.099.600.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		71.821.151.584	71.821.151.584
415	3. Cổ phiếu quỹ		(160.500.000)	(160.500.000)
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		351.555.197.880	276.450.743.309
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		276.450.743.309	207.645.489.045
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay		75.104.454.571	68.805.254.264
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		1.130.714.678.782	1.055.832.191.625

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Minh
Người lập

Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Trần Lê Phương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	31.735.598.766	34.199.250.366
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	19.1	-	-
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	19.1	31.735.598.766	34.199.250.366
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	20	(18.568.443.920)	(20.209.185.955)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		13.167.154.846	13.990.064.411
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	19.2	108.873.992.545	99.120.787.542
22	7. Chi phí tài chính		(40.988.814)	(76.595.442)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		-	-
25	8. Chi phí bán hàng	21	(6.123.116.923)	(5.892.373.359)
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	21	(21.902.306.969)	(21.153.379.628)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		93.974.734.685	85.988.503.524
31	11. Thu nhập khác		100.822.933	139.068.125
32	12. Chi phí khác		-	-
40	13. Lợi nhuận khác		100.822.933	139.068.125
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		94.075.557.618	86.127.571.649
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	23	(18.971.103.047)	(17.322.317.385)
60	16. Lợi nhuận sau thuế TNDN		75.104.454.571	68.805.254.264
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	25	1.106	1.013
71	18. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	25	1.106	1.013

Nguyễn Thị Minh
Người lập

Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Trần Lê Phương
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	Lợi nhuận trước thuế		94.075.557.618	86.127.571.649
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao tài sản cố định hữu hình và bất động sản đầu tư và hao mòn tài sản cố định vô hình	10, 11, 12	1.010.918.930	1.012.425.576
03	Các khoản dự phòng		279.092.761	11.174.731
05	Lãi từ hoạt động đầu tư	20	(108.871.502.062)	(99.084.280.716)
08	Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		(13.505.932.753)	(11.933.108.760)
09	Giảm các khoản phải thu		19.685.355	606.152.770
10	Giảm/(tăng) hàng tồn kho		1.052.013.941	(3.276.784.436)
11	(Giảm)/tăng các khoản phải trả		(1.912.962.344)	1.726.566.942
12	Giảm/(tăng) chi phí trả trước		37.349.331	(146.260.876)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	16	(17.280.108.117)	(8.703.372.521)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(31.589.954.587)	(21.726.806.881)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
23	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(267.000.000.000)	(749.500.000.000)
24	Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		184.000.000.000	685.500.000.000
27	Tiền thu lãi tiền gửi, cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		115.510.556.171	74.245.099.550
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		32.510.556.171	10.245.099.550
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		920.601.584	(11.481.707.331)
60	Tiền đầu năm		1.878.162.904	13.359.870.235
70	Tiền cuối năm	4	2.798.764.488	1.878.162.904

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2025



Nguyễn Thị Minh
Người lập



Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Trần Lê Phương
Tổng Giám đốc

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam ("Công ty"), tiền thân là một Doanh nghiệp Nhà nước, được thành lập theo Quyết định số 3944/TC - QĐ ngày 19 tháng 12 năm 1997 của Bộ trưởng Bộ Văn hóa – Thông tin (nay là Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch). Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0100109829 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 10 tháng 12 năm 2010, Công ty chuyển đổi từ Tổng Công ty Sách Việt Nam thành Công ty TNHH Một thành viên Sách Việt Nam. Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi lần thứ 2 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 27 tháng 4 năm 2016, Công ty chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành công ty cổ phần. Công ty cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi sau đó, với lần sửa đổi gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 19 tháng 7 năm 2023.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là cho thuê văn phòng, kinh doanh và phát hành sách.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại số 44 phố Tràng Tiền, phường Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 53 người (ngày 31 tháng 12 năm 2023: 55 người).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY**2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**

Báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") và được lập phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là hình thức kế toán trên máy tính.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kiểm kê định kỳ để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.

Thành phẩm - giá gốc thành phẩm áp dụng theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên bảng cân đối kế toán theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng hoạt động như dự kiến và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản, nếu có.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Trong trường hợp Công ty là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Trong trường hợp Công ty là bên cho thuê

Khoản đầu tư thuần trong hợp đồng cho thuê tài chính được hạch toán như khoản phải thu trên bảng cân đối kế toán. Khoản tiền lãi trong khoản thanh toán tiền thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời hạn của hợp đồng thuê theo lãi suất cố định trên giá trị đầu tư thuần hiện có.

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là tài sản cố định trên bảng cân đối kế toán. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị tài sản cho thuê và phân bổ dần vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo thời hạn của hợp đồng thuê.

Thu nhập từ tiền cho thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	26 – 30 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 19 năm
Phương tiện vận tải	5 – 10 năm
Phần mềm máy tính	5 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Công ty không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao và hao mòn bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	26 – 39 năm
Máy móc, thiết bị	5 – 19 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ được thực hiện khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.9 *Chi phí trả trước*

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc.

Các khoản phân phối từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Các khoản phân phối từ trước thời điểm nắm giữ quyền kiểm soát được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trong kỳ trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.13 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cho thuê ghi nhận hàng kỳ

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

3.14 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh, tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị năm của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.15 Vốn góp của chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, sau khi trừ đi các ảnh hưởng thuế. Các chi phí này được ghi nhận là một khoản khấu trừ từ thặng dư vốn cổ phần.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu trừ đi chi phí phát hành cổ phiếu thực tế phát sinh.

Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Công ty mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, tái phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.16 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu được xác định dựa trên việc kinh doanh sách và cho thuê bất động sản đầu tư. Đồng thời, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động do Công ty chỉ hoạt động trong một khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

3.19 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	75.102.632	191.801.603
Tiền gửi ngân hàng	2.723.661.856	1.686.361.301
TỔNG CỘNG	2.798.764.488	1.878.162.904

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

Đây là các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại bằng VND có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến 12 tháng và hưởng lãi suất từ 4%/năm đến 5%/năm (ngày 31 tháng 12 năm 2023: từ 4,4%/năm đến 5,0%/năm).

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu từ bán hàng hóa	1.150.173.626	1.049.739.150
- Tổng Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Vạn Xuân	355.943.700	309.609.000
- Hiệu sách Thuật	150.145.580	-
- Công ty TNHH Dịch vụ và Đầu tư Thương mại Ngọc Linh	-	379.120.000
- Các khoản phải thu khách hàng khác	644.084.346	361.010.150
Phải thu từ dịch vụ cho thuê	524.528.524	654.804.610
- Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	524.528.524	515.568.310
- Các khoản phải thu khách hàng khác	-	139.236.300
TỔNG CỘNG	1.674.702.150	1.704.543.760
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Trong đó:		
Phải thu từ khách hàng khác	1.135.972.376	1.188.975.450
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	538.729.774	515.568.310

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

7.1. Phải thu về cho vay ngắn hạn

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm khoản cho vay có tài sản đảm bảo với một đối tác doanh nghiệp, đáo hạn trong tháng 8 năm 2025, hưởng lãi suất 12%/năm.

7.2. Phải thu về cho vay dài hạn

Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 bao gồm các khoản cho vay có tài sản đảm bảo với các đối tác doanh nghiệp, đáo hạn trong tháng 7 năm 2026, hưởng lãi suất 12%/năm.

8. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu lãi cho vay (*)	456.986.301	-	51.596.712.327	-
Phải thu lãi tiền gửi	1.625.027.741	-	2.007.640.067	-
Phải thu ngắn hạn khác	631.843.901	-	346.793.901	-
TỔNG CỘNG	2.713.857.943	-	53.951.146.295	-
<i>Trong đó:</i>				
Phải thu từ các bên khác	2.082.014.042	-	53.604.352.394	-
Phải thu từ các bên liên quan (Thuyết minh số 24)	631.843.901	-	346.793.901	-
Dài hạn				
Phải thu lãi cho vay (*)	44.601.534.243	-	-	-
Phải thu dài hạn khác	135.000.000	-	135.000.000	-
TỔNG CỘNG	44.736.534.243	-	135.000.000	-

(*) Đây là khoản lãi phải thu phát sinh từ khoản cho các đối tác doanh nghiệp vay (Thuyết minh số 7) và sẽ được thu hồi cùng gốc vay khi đáo hạn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng hóa	5.442.999.632	(1.234.540.250)	5.577.875.055	(1.185.156.941)
Thành phẩm	5.872.385.375	(751.952.254)	6.752.524.335	(522.242.802)
Hàng ký gửi	-	-	36.999.558	-
TỔNG CỘNG	11.315.385.007	(1.986.492.504)	12.367.398.948	(1.707.399.743)

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	1.707.399.743	1.652.321.170
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	326.735.276	185.929.728
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong năm	(47.642.515)	(130.851.155)
Số cuối năm	1.986.492.504	1.707.399.743

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá:				
Số đầu năm	14.232.330.283	913.524.181	3.164.215.082	18.310.069.546
- Thanh lý	-	-	(74.000.000)	(74.000.000)
Số cuối năm	14.232.330.283	913.524.181	3.090.215.082	18.236.069.546
Trong đó:				
Đã khấu hao hết	4.623.012.364	913.524.181	3.090.215.082	8.626.751.627
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Số đầu năm	10.665.409.437	913.524.181	3.156.681.732	14.735.615.350
- Khấu hao trong năm	319.425.744	-	7.533.350	326.959.094
- Thanh lý	-	-	(74.000.000)	(74.000.000)
Số cuối năm	10.984.835.181	913.524.181	3.090.215.082	14.988.574.444
Giá trị còn lại:				
Số đầu năm	3.566.920.846	-	7.533.350	3.574.454.196
Số cuối năm	3.247.495.102	-	-	3.247.495.102

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Đơn vị tính: VND
Phần mềm máy tính

Nguyên giá:

Số đầu năm	231.467.000
Số cuối năm	231.467.000

Trong đó:

Đã khấu hao hết	231.467.000
-----------------	-------------

Giá trị hao mòn lũy kế:

Số đầu năm	231.467.000
- Hao mòn trong năm	-
Số cuối năm	231.467.000

Giá trị còn lại:

Số đầu năm	-
Số cuối năm	-

12. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa	Máy móc, thiết bị	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	30.132.659.562	3.321.262.879	33.453.922.441
Số cuối năm	30.132.659.562	3.321.262.879	33.453.922.441
Trong đó:			
Đã khấu hao hết	9.557.024.754	3.321.262.879	12.878.287.633
Giá trị hao mòn lũy kế:			
Số đầu năm	22.495.108.049	3.321.262.879	25.816.370.928
- Khấu hao trong năm	683.959.836	-	683.959.836
Số cuối năm	23.179.067.885	3.321.262.879	26.500.330.764
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	7.637.551.513	-	7.637.551.513
Số cuối năm	6.953.591.677	-	6.953.591.677

Bất động sản đầu tư bao gồm một phần các tòa nhà tại số 44 phố Tràng Tiền, quận Hoàn Kiếm; số 22B phố Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm; Kho Bãi Chám tại huyện Đông Anh và số 2 đường Chùa Hà, phường Dịch Vọng, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội đang được Công ty sử dụng để cho thuê.

Công ty không có đủ thông tin để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư này tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 do không có thị trường giao dịch cho các bất động sản này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

13. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒI DANG

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án 22A Hai Bà Trưng (*)	6.000.000.000	6.000.000.000
TỔNG CỘNG	6.000.000.000	6.000.000.000

(*) Đây là chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng cho dự án bất động sản tại khu đất số 22A phố Hai Bà Trưng, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị ghi sổ (*)
Đầu tư vào công ty liên kết	4.322.500.000	-	4.322.500.000	4.322.500.000	-	4.322.500.000
	4.322.500.000	-	4.322.500.000	4.322.500.000	-	4.322.500.000

(*) Công ty không xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do cổ phiếu này chưa được niêm yết và giao dịch trên thị trường chứng khoán.

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ vốn nắm giữ (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	27,76	27,76	27,76	27,76

Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0104209630 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 6 tháng 10 năm 2009. Công ty này sau đó cũng nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp sửa đổi với lần gần nhất là lần thứ 4 được cấp ngày 9 tháng 8 năm 2019. Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam có tổng số vốn điều lệ là 14,5 tỷ VND. Hoạt động chính của công ty này là in ấn. Trụ sở chính của công ty này đặt tại số 22B, phố Hai Bà Trưng, phường Trảng Tiền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND			
	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả cho người bán	5.795.977.970	5.795.977.970	7.759.151.181	7.759.151.181
- Cambridge University Press	624.300.945	624.300.945	1.492.188.280	1.492.188.280
- Nhà xuất bản Kim Đồng	291.160.896	291.160.896	270.900.245	270.900.245
- Chi nhánh Công ty TNHH Một thành viên Nhà xuất bản Trẻ tại Hà Nội	166.096.889	166.096.889	194.568.248	194.568.248
- Springer Nature Customer Service Center GmbH	147.468.237	147.468.237	179.548.031	179.548.031
- Công ty TNHH Kinh doanh và Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Đức Minh	33.858.000	33.858.000	15.328.800	15.328.800
- Phải trả đối tượng khác	4.533.093.003	4.533.093.003	5.606.617.577	5.606.617.577
TỔNG CỘNG	5.795.977.970	5.795.977.970	7.759.151.181	7.759.151.181

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Đơn vị tính: VND			
	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.274.255.049	18.971.103.047	(17.280.108.117)	18.965.249.979
Thuế thu nhập cá nhân	33.293.151	204.562.255	(191.008.566)	46.846.840
Thuế giá trị gia tăng	328.148.315	1.201.036.875	(1.247.834.940)	281.350.250
Thuế khác	2.767.976	969.427.783	(971.160.567)	1.035.192
TỔNG CỘNG	17.638.464.491	21.346.129.960	(19.690.112.190)	19.294.482.261

17. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN NGẮN HẠN

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện từ cho thuê nhà và cho thuê đất	1.104.028.618	1.069.855.764
TỔNG CỘNG	1.104.028.618	1.069.855.764

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU

18.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

	Đơn vị tính: VND				
	Vốn cổ phần đã phát hành	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Năm trước					
Số đầu năm	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	207.645.489.045	958.405.740.629
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	68.805.254.264	68.805.254.264
Số cuối năm	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	276.450.743.309	1.027.210.994.893
Năm nay					
Số đầu năm	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	276.450.743.309	1.027.210.994.893
- Lợi nhuận trong năm	-	-	-	75.104.454.571	75.104.454.571
Số cuối năm	679.099.600.000	71.821.151.584	(160.500.000)	351.555.197.880	1.102.315.449.464

18.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm				Số đầu năm				Đơn vị tính: VND
	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	Tổng số	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Tổng số	
Vốn cổ phần của Tập đoàn									
Vingroup – Công ty CP	443.642.740.000	443.642.740.000	-	-	443.642.740.000	443.642.740.000	-	-	
Vốn cổ phần của Nhà nước	67.909.960.000	67.909.960.000	-	-	67.909.960.000	67.909.960.000	-	-	
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	167.546.900.000	167.546.900.000	-	-	167.546.900.000	167.546.900.000	-	-	
Thặng dư vốn cổ phần	71.821.151.584	71.821.151.584	-	-	71.821.151.584	71.821.151.584	-	-	
Cổ phiếu quỹ	(160.500.000)	(160.500.000)	-	-	(160.500.000)	(160.500.000)	-	-	
TỔNG CỘNG	750.760.251.584	750.760.251.584	-	-	750.760.251.584	750.760.251.584	-	-	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

18. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

18.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Số đầu năm	679.099.600.000	679.099.600.000
Số cuối năm	679.099.600.000	679.099.600.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

18.4 Cổ phiếu

	Số lượng	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Cổ phiếu đăng ký phát hành và đã bán ra công chúng	67.909.960	67.909.960
Cổ phiếu phổ thông	67.909.960	67.909.960
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	15.000	15.000
Cổ phiếu phổ thông	15.000	15.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang được lưu hành	67.894.960	67.894.960
Cổ phiếu phổ thông	67.894.960	67.894.960
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu (năm 2023: 10.000 VND/cổ phiếu).

19. DOANH THU

19.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	31.735.598.766	34.199.250.366
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu từ bán hàng hóa	17.038.548.182	19.934.337.074
Doanh thu từ dịch vụ cho thuê	14.697.050.584	14.264.913.292
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	31.735.598.766	34.199.250.366
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu đối với bên khác	27.725.792.658	30.984.710.901
Doanh thu đối với bên liên quan (Thuyết minh số 24)	4.009.806.108	3.214.539.465

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. DOANH THU (tiếp theo)

19.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Lãi cho vay	103.727.780.815	89.874.794.514
Lãi tiền gửi	4.861.971.247	8.867.361.202
Cổ tức	281.750.000	342.125.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	2.490.483	36.506.826
TỔNG CỘNG	108.873.992.545	99.120.787.542

19.3 Doanh thu và chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Thu nhập từ cho thuê bất động sản đầu tư	14.697.050.584	14.264.913.292
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong năm	5.754.208.115	5.570.610.085

20. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	12.814.235.805	14.638.575.870
Giá vốn của dịch vụ cho thuê	5.754.208.115	5.570.610.085
TỔNG CỘNG	18.568.443.920	20.209.185.955

21. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên	5.664.810.275	5.330.120.168
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	285.031.202	382.315.507
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	42.609.544	66.570.766
- Chi phí bán hàng khác	130.665.902	113.366.918
TỔNG CỘNG	6.123.116.923	5.892.373.359
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.215.505.398	14.986.799.021
- Chi phí nhân viên	4.568.017.219	4.355.009.156
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	326.959.094	328.465.740
- Thuế, phí, lệ phí	768.502.183	797.298.635
- Chi phí đồ dùng văn phòng	221.615.787	200.232.999
- Chi phí quản lý doanh nghiệp khác	801.707.288	485.574.077
TỔNG CỘNG	21.902.306.969	21.153.379.628

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí sản xuất thành phẩm để bán	1.804.894.662	6.131.712.525
Chi phí nhân công	10.232.827.494	9.685.129.324
Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	1.010.918.930	1.012.425.576
Chi phí dịch vụ mua ngoài	20.570.784.879	20.255.764.777
Chi phí khác	1.965.100.704	1.663.043.395
TỔNG CỘNG	35.584.526.669	38.748.075.597

23. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") áp dụng cho Công ty là 20% thu nhập chịu thuế.

Báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

23.1 Chi phí thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế của Công ty khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	18.971.103.047	17.322.317.385
TỔNG CỘNG	18.971.103.047	17.322.317.385

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	94.075.557.618	86.127.571.649
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	18.815.111.524	17.225.514.330
Các khoản điều chỉnh tăng:		
Chi phí không được khấu trừ thuế	212.341.523	165.228.055
Các khoản điều chỉnh giảm:		
Cổ tức, lợi nhuận được chia	(56.350.000)	(68.425.000)
Chi phí thuế TNDN	18.971.103.047	17.322.317.385

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách công ty mẹ của Công ty và công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Vingroup - Công ty Cổ phần	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng tập đoàn
Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo Academy	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Cam Ranh	Công ty cùng tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin và Hạ tầng truyền dẫn Vinitis	Công ty cùng tập đoàn

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Doanh thu cho thuê nhà	3.012.572.376	2.958.811.092
		Tiền thuê nhà đã thu	3.138.210.930	3.071.905.194
		Chi phí in sách	249.200.000	1.055.278.182
		Tiền in sách đã trả	269.136.000	1.209.490.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cam Ranh	Công ty cùng Tập đoàn kể từ tháng 1 năm 2024	Lãi cho vay	7.463.013.699	4.931.506.849
		Thu tiền gốc cho vay	100.000.000.000	-
		Thu tiền lãi cho vay	12.394.520.548	-
Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	661.518.825	47.368.572
Chi nhánh tại Thành phố Hải Phòng – Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	185.497.999	-
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh – Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	150.216.908	78.756.236
Công ty Cổ phần Giải pháp công nghệ thông tin và hạ tầng truyền dẫn Vinitis	Công ty cùng Tập đoàn	Chi phí vận hành hóa đơn điện tử	4.224.000	5.538.464
Công ty TNHH Giáo dục và Đào tạo Academy	Công ty cùng Tập đoàn	Doanh thu bán hàng	-	129.603.565

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Công ty cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan theo mức giá thỏa thuận theo đàm phán hợp đồng.

Số dư các khoản phải thu, phải trả thương mại với các bên liên quan tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty chưa trích lập bất cứ một khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi nào liên quan đến số tiền các bên liên quan còn nợ Công ty (tại ngày 31 tháng 12 năm 2023: không).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

24. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, số dư các khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND				
Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 6)				
Công ty Cổ phần In Sách Việt Nam	Công ty liên kết	Phải thu tiền cho thuê nhà đất	524.528.524	515.568.310
Công ty Cổ phần Vinschool	Công ty cùng tập đoàn	Phải thu bán hàng	14.201.250	-
TỔNG CỘNG			538.729.774	515.568.310
Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh số 8)				
Công ty Cổ phần In sách Việt Nam	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	623.875.000	342.125.000
		Phải thu khác	7.968.901	4.668.901
TỔNG CỘNG			631.843.901	346.793.901

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm như sau:

Đơn vị tính: VND				
Tên	Chức vụ	Thu nhập		
		Năm nay	Năm trước	
Ông Lê Thăng Long	Chủ tịch	-	-	
Bà Trần Thanh Mai	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	
Ông Vũ Quyết Thắng	Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	
Ông Trần Lê Phương	Thành viên Hội đồng quản trị/ Tổng Giám đốc	-	-	
Ông Nguyễn Trọng Tuấn	Thành viên Hội đồng quản trị/ Phó Tổng Giám đốc	540.173.632	539.557.665	
TỔNG CỘNG		540.173.632	539.557.665	

Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát:

Đơn vị tính: VND		
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát	184.500.557	184.600.557

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

25. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Công ty sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	75.104.454.571	68.805.254.264
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	75.104.454.571	68.805.254.264
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông sau khi đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	75.104.454.571	68.805.254.264
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	67.894.960	67.894.960
Ảnh hưởng suy giảm	-	-
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông (không bao gồm cổ phiếu quỹ) đã điều chỉnh cho các yếu tố suy giảm	67.894.960	67.894.960
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.106	1.013
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	1.106	1.013

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Công ty lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Công ty chủ yếu hoạt động trong khu vực kinh doanh là lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin bộ phận theo khu vực địa lý.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

	Kinh doanh sách và bán lẻ khác	Cho thuê bất động sản đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND				
Doanh thu				
Doanh thu từ bán hàng/dịch vụ ra bên ngoài	17.038.548.182	14.697.050.584	-	31.735.598.766
Giá vốn các bộ phận	17.038.548.182	14.697.050.584	-	31.735.598.766
Kết quả	12.814.235.805	5.754.208.115	-	18.568.443.920
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận	4.224.312.377	8.942.842.469	-	13.167.154.846
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)	-	-	-	80.908.402.772
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	94.075.557.618
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	(18.971.103.047)
Lợi nhuận thuần sau thuế				75.104.454.571
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	13.868.417.486	7.478.120.201	-	21.346.537.687
Tài sản không phân bổ (ii)	-	-	-	1.109.368.141.095
Tổng tài sản				1.130.714.678.782
Công nợ bộ phận	5.835.513.695	2.210.178.618	-	8.045.692.313
Công nợ không phân bổ (iii)	-	-	-	20.353.537.005
Tổng công nợ	-	-	-	28.399.229.318

Công ty Cổ phần Sách Việt Nam

B09-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

26. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày:

	Kinh doanh sách	Cho thuê bất động sản đầu tư	Loại trừ	Tổng cộng
Đơn vị tính: VND				
Doanh thu	19.934.337.074	14.264.913.292	-	34.199.250.366
Doanh thu từ bán hàng/dịch vụ ra bên ngoài	19.934.337.074	14.264.913.292	-	34.199.250.366
Giá vốn các bộ phận	14.638.575.870	5.570.610.085	-	20.209.185.955
Kết quả				
Lợi nhuận gộp trước thuế của bộ phận	5.295.761.204	8.694.303.207	-	13.990.064.411
Thu nhập/(chi phí) không phân bổ (i)	-	-	-	66.245.133.879
Chi phí bán hàng	5.821.887.666	70.485.693	-	5.892.373.359
Lợi nhuận trước thuế	-	-	-	86.127.571.649
Chi phí thuế TNDN	-	-	-	(17.322.317.385)
Lợi nhuận thuần sau thuế	-	-	-	68.805.254.264
Tài sản và công nợ				
Tài sản bộ phận	15.419.192.551	14.292.356.123	-	29.711.548.674
Tài sản không phân bổ (ii)	-	-	-	1.026.120.642.951
Tổng tài sản				1.055.832.191.625
Công nợ bộ phận	7.789.986.612	2.175.844.393	-	9.965.831.005
Công nợ không phân bổ (iii)	-	-	-	18.655.365.727
Tổng công nợ				28.621.196.732

- (i) Thu nhập/(chi phí) không phân bổ bao gồm doanh thu tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp, thu nhập khác và chi phí khác;
- (ii) Tài sản không phân bổ bao gồm tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản đầu tư dài hạn, thuế và các khoản phải thu Nhà nước, các khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn;
- (iii) Công nợ không phân bổ bao gồm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước, phải trả người lao động và chi phí trích trước.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2024 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

27. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Rủi ro liên quan đến các hợp đồng thuê đất và thuê nhà của Công ty

Công ty hiện đang sử dụng lô đất và tài sản trên đất tại 22A, 22B Hai Bà Trưng và 50A Hàng Bài, thành phố Hà Nội làm cơ sở để kinh doanh và để cho thuê văn phòng. Tại thời điểm lập báo cáo tài chính này, các hợp đồng thuê nhà và hợp đồng thuê nhà đất nêu trên đã hết hạn và Công ty đang trong quá trình làm việc với cơ quan quản lý Nhà nước để gia hạn các hợp đồng thuê đất này.

Ngoài ra, Công ty cũng được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch giao hai khu đất tại Kho Bãi Chám, huyện Đông Anh và số 2 phố Chùa Hà, phường Dịch Vọng, thành phố Hà Nội để sử dụng cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Tuy nhiên, tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty vẫn chưa ký hợp đồng thuê đất với các cơ quan quản lý Nhà nước cho hai khu đất này.

Hàng năm, Công ty nộp tiền thuê đất và thuê nhà cho các khu đất trên theo các thông báo của Cục Thuế thành phố Hà Nội.

28. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

Hà Nội, Việt Nam

Ngày 26 tháng 3 năm 2025

Nguyễn Thị Minh
Người lập

Đặng Xuân Ánh
Kế toán trưởng



Trần Lê Phương
Tổng Giám đốc

CÔNG TY
CỔ PHẦN
SÁCH VIỆT
NAM

Digitally signed by CÔNG TY
CỔ PHẦN SÁCH VIỆT NAM
DN: C=VN, S=HÀ NỘI,
L=Quận Hoàn Kiếm,
CN=CÔNG TY CỔ PHẦN
SÁCH VIỆT NAM,
OID.0.9.2342.19200300.100.
1.1=MST:0100109829
Reason: I am the author of
this document
Location:
Date: 2025-03-27 10:21:49

